

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN BIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2020/DS-ST**

Ngày: 31-7-2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng  
góp hụi”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

2. Bà Trần Thu Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Hồng Tr, sinh năm 1991;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Trần Thị Hồng Tr: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964, là mẹ của chị Trần Thị Hồng Tr, đại diện theo giấy ủy quyền ngày 04/3/2020 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp ĐT xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

**2. Bị đơn:** Chị Trần Thanh Th, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp NQ, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 26/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng Tr và bà Nguyễn Thị H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị Trần Thị Hồng Tr có tham gia góp hụi do chị Trần Thanh Th làm chủ 02 dây hụi như sau:

- Ngày 20/8/2014 âl, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 15 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, chị Tr tham gia góp 01 phần, góp hụi sống đến mãn hụi ngày 20/11/2015 âl, với số tiền 30.000.000 đồng, trừ lại phần hụi của chị Tr chưa góp 2.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng, còn lại số tiền 27.000.000 đồng chị Trần Thanh Th phải trả.

- Ngày 15/01/2015 âl, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 26 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, chị Tr tham gia góp 02 phần, góp hụi sống được 09 lần đến ngày 15/9/2015 âl thì chị Trần Thanh Th bẻ hụi không gom hụi nữa, chị Tr góp với số tiền 36.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng do góp 09 lần chưa được nữa phần hụi, chị Th còn phải trả chị Tr số tiền là 35.000.000 đồng.

Tổng 02 dây hụi nói trên, chị Trần Thanh Th nợ chị Trần Thị Hồng Tr số tiền là 62.000.000 đồng. Nay bà Nguyễn Thị H đại diện cho chị Tr yêu cầu chị Trần Thanh Th trả cho chị Trần Thị Hồng Tr số tiền hụi là 62.000.000 đồng, trả 02 lần trong thời hạn 01 năm đủ số tiền nói trên, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Trước đây, sau khi chị Trần Thanh Th không gom hụi tiếp thì chị Tr có yêu cầu Công an xã Đông Thái giải quyết thì chị Th và chị Tr có thỏa thuận, xác định chị Th có nợ chị Tr số tiền hụi là 63.000.000 đồng và hẹn trả mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng đến nay chị Th không trả khoảng tiền nào hết.

*\* Bị đơn chị Trần Thanh Th:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Th biết để chị Th có ý kiến về việc chị Tr yêu cầu chị Th trả số tiền hụi còn nợ nhưng chị Th không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

*\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân Trần Thị Hồng Tr và sổ hộ khẩu, Đơn xin xác nhận tình trạng nơi cư trú của đương sự ngày 10/4/2018, Biên bản V/v thỏa thuận vụ hụi xảy ra ngày 19/7/2017, Danh sách tham gia góp hụi ngày 15/01/2015, Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 85/2018/QĐST-DS ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân

dân huyện An Biên.

*\* Tại phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị H người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Trần Thị Hồng Tr yêu cầu chị Trần Thanh Th trả cho chị Tr số tiền hui là 62.000.000 đồng, trả 02 lần đủ số tiền nói trên, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Trần Thanh Th vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 238, 239 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của chị Tr yêu cầu chị Th trả cho chị tiền hui còn nợ là 62.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng Tr yêu cầu bị đơn chị Trần Thanh Th trả tiền hui còn nợ, nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại: xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cho nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trần Thanh Th biết và ấn định thời gian để chị Th có ý kiến về việc chị Tr khởi kiện đối với chị Th trả tiền hui nhưng chị Th không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích

hợp pháp cho mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Th vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Th nhưng chị Th vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai người đại diện hợp pháp của chị Tr không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Th theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng góp hụi giữa chị Tr và chị Th được xác lập hợp đồng bằng lời nói, sau đó chị Th tuyên bố bãi hụi giữa chị Tr và chị Th có thỏa thuận việc trả nợ bằng văn bản là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số: 144/2006/ NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biên, phường.

Xét khởi kiện của chị Tr yêu cầu chị Th trả cho chị số tiền hụi là 62.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị Tr khởi kiện yêu cầu chị Th trả tiền hụi còn nợ là phù hợp với Biên bản V/v thỏa thuận vụ hụi xảy ra ngày 19/7/2017 giữa chị Th, bà H mẹ của chị Tr, bà L và bà M tại Công an xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, chị Tr khởi kiện yêu cầu chị Th trả cho chị số tiền hụi nói trên nhưng từ khi thụ lý vụ án giải quyết đến nay chị Th không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr là có thật và thuộc trường hợp chị Th thừa nhận hoặc không phản đối yêu cầu của chị Tr đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Tr và người đại diện hợp pháp của chị Tr là bà H. Buộc chị Trần Thanh Th phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Hồng Tr tiền hụi còn nợ là 62.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 206, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Trần Thanh Th phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Hồng Tr tiền hui còn nợ là 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc chị Trần Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.100.000 đồng (62.000.000 đồng x 5%).

Chị Trần Thị Hồng Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Trần Thị Hồng Tr tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.575.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008495 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 31/7/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Sang).

**Trần Văn Thảo**